



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 3 năm 2017**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 34



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,  
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Ông Đỗ Thanh Tùng	Chủ tịch (bổ nhiệm 14 tháng 6 năm 2016, miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Ông Lê Văn Giáp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016) Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Ông Lê Văn Hường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2016)
Ông Nguyễn Thế Hường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Bà Lê Thị Hà Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016)
Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2016)
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016)

**Ban Giám đốc**

Ông Ngô Thanh Sơn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2016)
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh (bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2016)
Bà Phạm Huyền Khanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2017)
Ông Đỗ Thanh Tùng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2016)
Ông Lê Văn Giáp	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2016)
Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2016)
Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2016)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,  
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Ngô Thanh Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 07 tháng 7 năm 2017



Số: 170 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 7 năm 2017, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### **Cơ sở của ý kiến ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 06 và Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm khoảng 338,1 tỷ đồng và khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm khoảng 14,9 tỷ đồng là các khoản phải thu và ứng trước của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn với tổng số dư là khoảng 338,1 tỷ đồng và các khoản công nợ ứng trước cho nhà cung cấp với tổng số dư là khoảng 14,9 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho các khoản công nợ này). Theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, trên khoản mục phải thu khác bao gồm số dư các khoản tạm ứng với giá trị khoảng 20,3 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho các khoản tạm ứng này), Công ty không thu thập được xác nhận số dư đối với các nhân viên này. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu và giá trị của các khoản tạm ứng này. Theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán ngày 08 tháng 8 năm 2016 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các vấn đề sau: (i) tính hiện hữu, tính chính xác và khả năng thu hồi của các số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng không thu thập được thư xác nhận; (ii) tính đầy đủ của các giao dịch và số dư với các bên liên quan và (iii) không xác định được liệu các khoản vốn còn lại của Đợt chào bán ngày 22 tháng 10 năm 2014 có được sử dụng theo đúng mục đích hay không, và ảnh hưởng có thể có đối với báo cáo tài chính hợp nhất trong trường hợp các khoản vốn này không được sử dụng đúng mục đích.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2013-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 07 tháng 7 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,  
243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>270.741.033.787</b>	<b>341.474.024.358</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>30.305.649.679</b>	<b>8.687.749.467</b>
1. Tiền	111	5	30.305.649.679	8.687.749.467
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>160.607.567.351</b>	<b>171.488.028.023</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	497.469.095.601	477.591.006.149
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	309.258.848.071	298.094.212.771
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	2.228.514.250
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	526.481.520.032	520.275.415.525
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.173.961.415.973)	(1.126.701.120.672)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		360.277.120	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>77.196.315.885</b>	<b>161.139.362.454</b>
1. Hàng tồn kho	141		122.965.539.209	231.834.731.626
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(45.769.223.324)	(70.695.369.172)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.631.500.872</b>	<b>158.884.414</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.606.654.815	151.350.645
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		413.260.887	7.533.769
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	611.585.170	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,  
243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>461.854.291.731</b>	<b>500.015.386.360</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.574.894.483</b>	<b>9.595.630.763</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	6.096.091.944
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	8.574.894.483	3.499.538.819
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>437.104.345.150</b>	<b>471.755.969.484</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	376.207.196.220	403.933.854.602
- Nguyên giá	222		768.634.884.409	834.828.747.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(392.427.688.189)	(430.894.892.484)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	60.843.580.682	67.747.810.538
- Nguyên giá	225		76.611.929.888	76.611.929.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.768.349.206)	(8.864.119.350)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	53.568.248	74.304.344
- Nguyên giá	228		141.680.480	141.680.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88.112.232)	(67.376.136)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>2.176.781.935</b>	<b>2.568.442.725</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.176.781.935	2.568.442.725
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>1.502.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	110.750.000.000	110.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.500.000.000)	(110.750.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	19	-	752.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.998.270.163</b>	<b>14.593.343.388</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.998.270.163	14.593.343.388
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>732.595.325.518</b>	<b>841.489.410.718</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,  
243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>207.869.427.889</b>	<b>285.069.333.888</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>162.932.545.863</b>	<b>161.962.590.102</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	112.177.941.215	67.479.390.752
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.231.867.014	13.553.912.269
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	566.436.616	38.762.390.179
4. Phải trả người lao động	314		3.277.987.236	5.671.347.225
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	19.864.939.332	19.291.061.212
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.196.092.482	3.011.206.497
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	13.617.281.968	14.193.281.968
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>44.936.882.026</b>	<b>123.106.743.786</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	21	-	85.375.671.460
2. Phải trả dài hạn khác	337	23	22.454.252.812	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	22.104.093.939	37.417.375.907
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	378.535.275	313.696.419
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>26</b>	<b>524.725.897.629</b>	<b>556.420.076.830</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>524.725.897.629</b>	<b>556.420.076.830</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.021.775.376.473)	(990.081.197.272)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(990.081.197.272)	345.700.721.950
- (Lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(31.694.179.201)	(1.335.781.919.222)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>732.595.325.518</b>	<b>841.489.410.718</b>

  
Phạm Minh Nguyệt  
Người lập biểu

  
Lê Thị Hà Thanh  
Kế toán trưởng

  
Ngô Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,  
243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Việt Nam

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	500.954.220.695		534.174.142.051	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	1.521.963.084		26.836.605.137	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	499.432.257.611		507.337.536.914	
4. Giá vốn hàng bán	11	28	405.451.053.956		503.951.234.016	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		93.981.203.655		3.386.302.898	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	461.188.040		693.761.137	
7. Chi phí tài chính	22	30	7.053.390.009		133.722.549.607	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.598.717.428		16.472.616.751	
8. Chi phí bán hàng	25	33	49.303.450.965		36.105.248.454	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	71.422.488.794		1.159.284.481.973	
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(33.336.938.073)		(1.325.032.215.999)	
11. Thu nhập khác	31	31	14.710.265.372		26.984.590.935	
12. Chi phí khác	32	32	11.020.152.346		37.973.425.220	
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		3.690.113.026		(10.988.834.285)	
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(29.646.825.047)		(1.336.021.050.284)	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	2.267.700.166		-	
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(220.346.012)		(239.131.062)	
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(31.694.179.201)		(1.335.781.919.222)	
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	36			(11.874)	

  
Phạm Minh Nguyệt  
Người lập biểu

  
Lê Thị Hà Thanh  
Kế toán trưởng

  
Ngô Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,  
243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Việt Nam

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(29.646.825.047)</b>	<b>(1.336.021.050.284)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	69.664.528.707	75.241.057.332
Các khoản dự phòng	03	23.084.149.453	1.306.758.029.156
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.651.305.591	5.955.510.596
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	8.930.764.910	28.695.210.810
Chi phí lãi vay	06	4.598.717.428	16.472.616.751
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>78.282.641.042</b>	<b>97.101.374.361</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(36.210.491.628)	(401.396.191.694)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	108.869.192.417	46.589.039.396
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(31.325.366.424)	(3.710.248.747)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.921.661.147)	(10.667.294.868)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.762.819.648)	(17.059.416.972)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.805.000.000)	(29.760.637.395)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(120.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>76.126.494.612</b>	<b>(319.023.375.919)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(42.586.612.840)	(8.810.198.180)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.044.155.823	2.245.454.545
3. Tiền chi đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	23	-	(752.000.000)
4. Tiền thu từ đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24	752.000.000	295.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(250.000.000)
6. Tiền chi đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế	25	-	(110.750.000.000)
7. Tiền thu lãi tiền gửi	27	171.144.585	376.757.741
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(38.619.312.432)</b>	<b>177.660.014.106</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,  
243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Việt Nam

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.500.000.000	174.817.090.394
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.376.800.000)	(492.173.207.193)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.012.481.968)	(29.000.076.406)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(15.889.281.968)</b>	<b>(346.356.193.205)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>21.617.900.212</b>	<b>(487.719.555.018)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.687.749.467</b>	<b>496.407.373.233</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(68.748)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>30.305.649.679</b>	<b>8.687.749.467</b>



Phạm Minh Nguyệt  
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh  
Kế toán trưởng



Ngô Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 7 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

Tầng 22 và tầng 24, Tòa nhà Icon 4,  
243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 237 người (ngày 31 tháng 3 năm 2016: 241 người).

**Ngành nghề và hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đại lý buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế;
- Sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100	100	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 3 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.



### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc và thiết bị	6 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 10

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	<b>Năm nay</b>
	<b>(Số năm)</b>
Máy móc và thiết bị	6 - 12

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 03 năm đến 05 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa, cải tạo phòng khám và linh phụ kiện thay thế máy và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở lợi nhuận thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trên biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện. Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 do không có bằng chứng chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	14.178.114.170	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.127.535.509	8.687.749.467
	<b>30.305.649.679</b>	<b>8.687.749.467</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (i)</b>		
- Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	104.883.862.923
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	97.904.625.613
- Khách hàng khác	292.223.657.635	274.802.517.613
	<b>497.469.095.601</b>	<b>477.591.006.149</b>
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>		
- Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Khê	-	1.733.984.448
- Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ	-	1.768.227.273
- Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Sơn	-	1.900.278.662
- Khách hàng khác	-	693.601.561
	-	<b>6.096.091.944</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>497.469.095.601</b>	<b>483.687.098.093</b>

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 bao gồm khoảng 338,1 tỷ đồng là khoản phải thu của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất.





**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	190.230.906.514
- Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	28.262.713.121
- Công ty TNHH Công trình và trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	36.635.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	31.440.158.436	21.885.593.136
<b>Cộng</b>	<b>309.258.848.071</b>	<b>298.094.212.771</b>

Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 bao gồm khoảng 14,9 tỷ đồng là khoản ứng trước của các đối tượng công nợ mà Công ty không thu thập được xác nhận công nợ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>526.481.520.032</b>	<b>520.275.415.525</b>
- Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	403.295.265.000
- Phải thu từ hoạt động ủy thác nhập khẩu	-	9.157.964.458
- Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2.261.219.600	2.261.219.600
- Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	7.256.442.952	7.256.442.952
- Tạm ứng cho nhân viên (ii)	102.376.173.954	87.077.019.496
- Ký quỹ ngắn hạn	7.194.135.859	7.868.981.911
- Phải thu khác	3.064.688.917	3.358.522.108
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.033.593.750	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.574.894.483</b>	<b>3.499.538.819</b>
- Ký quỹ dài hạn	3.888.877.274	3.499.538.819
- Vốn liên kết với các bệnh viện	4.686.017.209	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>535.056.414.515</b>	<b>523.774.954.344</b>

(i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm.

(ii) Số dư cuối năm của của khoản tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng với giá trị khoảng 20,3 tỷ đồng tồn đọng lâu ngày, Công ty chưa thu thập xác nhận số dư công nợ đối với các nhân viên này tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	VND Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>403.817.212.690</b>	<b>38.052.161.584</b>		<b>375.020.257.107</b>	<b>34.422.499.136</b>	
Công ty Cổ phần đầu tư A1	97.904.625.613	-	Từ 2-3 năm	97.904.625.613	-	Từ 2-3 năm
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	107.340.812.353	-	Từ 1-2 năm	104.883.862.923	10.728.165.707	Từ 1-2 năm
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	-	Từ 1-2 năm	34.470.174.163	3.313.862.000	Từ 1-2 năm
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	-	Không xác định	28.031.022.362	-	Không xác định
Công ty TNHH một thành viên 16A	26.948.625.601	-	Không xác định	26.948.625.601	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-	Từ 1-2 năm	10.797.500.000	-	Từ 1-2 năm
Các đối tượng khác	99.002.052.598	38.052.161.584	Từ 6 tháng-trên 3 năm	71.984.446.445	20.380.471.429	Từ 6 tháng-trên 3 năm
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>299.011.762.795</b>	<b>30.800.003</b>		<b>297.224.599.797</b>	-	
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	-	Không xác định	190.230.906.514	-	Không xác định
Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	-	Không xác định	28.262.713.121	-	Không xác định
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-	Không xác định	36.635.000.000	-	Không xác định
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	-	Không xác định	21.080.000.000	-	Không xác định
Gold Lite PTE. Ltd	14.851.200.000	-	Không xác định	14.851.200.000	-	Không xác định
Các đối tượng khác	6.341.873.160	30.800.003	Không xác định	6.164.780.162	-	Không xác định
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>512.210.463.908</b>	<b>3.494.683.083</b>		<b>491.748.246.197</b>	<b>2.869.483.293</b>	
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	315.360.806.472	-	Không xác định	315.360.806.472	-	Không xác định
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	87.934.458.528	-	Không xác định	87.934.458.528	-	Không xác định
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	98.113.088.720	33.950.724	Không xác định	77.236.505.437	-	Không xác định
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	9.517.662.552	2.261.219.600	Không xác định	9.517.662.552	2.869.483.293	Không xác định
Các đối tượng khác	1.284.447.636	1.199.512.759	Không xác định	1.698.813.208	-	Không xác định
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>999.242.500</b>	<b>499.621.250</b>		<b>999.242.500</b>	<b>999.242.500</b>	
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	499.621.250	Từ 6 tháng-1 năm	999.242.500	999.242.500	Từ 6 tháng-1 năm
	<b>1.216.038.681.893</b>	<b>42.077.265.920</b>		<b>1.164.992.345.601</b>	<b>38.291.224.929</b>	

Ban Giám đốc Công ty không xác định thời gian quá hạn đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ban Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ của các đối tượng nợ.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	8.878.740.430	-	2.684.298.020	-
Nguyên liệu, vật liệu	27.204.140	(24.021.840)	28.092.390	(24.021.840)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	212.028.233	(212.028.233)	212.028.233	(212.028.233)
Thành phẩm	321.086.347	(321.086.347)	321.086.347	(321.086.347)
Hàng hoá (i)	107.485.802.271	(45.212.086.904)	223.795.001.996	(70.138.232.752)
Hàng gửi bán	6.040.677.788	-	4.794.224.640	-
<b>Cộng</b>	<b>122.965.539.209</b>	<b>(45.769.223.324)</b>	<b>231.834.731.626</b>	<b>(70.695.369.172)</b>

- (i) Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 21.049.215.652 đồng do Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng hóa này thấp hơn so với giá ghi sổ (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016: 70.695.369.172 đồng). Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 45.975.361.500 đồng do Công ty đã bán được các hàng hóa đã trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016: 0 đồng).

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.606.654.815</b>		<b>151.350.645</b>	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	320.084.180		50.028.464	
- Các khoản khác	1.286.570.635		101.322.181	
<b>b. Dài hạn</b>	<b>13.998.270.163</b>		<b>14.593.343.388</b>	
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.809.520.286		900.215.479	
- Chi phí sửa chữa, cải tạo phòng khám và linh phụ kiện thay thế máy	10.193.040.282		12.420.286.596	
- Các khoản khác	995.709.595		1.272.841.313	
<b>Cộng</b>	<b>15.604.924.978</b>		<b>14.744.694.033</b>	



**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	1.025.186.364	807.168.331.836	24.811.895.405	1.823.333.481	834.828.747.086
Mua sắm	-	10.347.185.660	250.000.000	31.400.000	10.628.585.660
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	29.781.245.245	-	-	29.781.245.245
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	4.601.346.232	-	-	4.601.346.232
Tặng khác	-	1.122.561.970	-	-	1.122.561.970
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(50.950.000)	(90.377.788.227)	(2.315.457.699)	(528.830.445)	(93.273.026.371)
Giảm khác: Tặng theo hợp đồng liên kết	-	(18.726.580.561)	-	-	(18.726.580.561)
Giảm khác	-	-	-	(327.994.852)	(327.994.852)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>974.236.364</b>	<b>743.916.302.155</b>	<b>22.746.437.706</b>	<b>997.908.184</b>	<b>768.634.884.409</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	606.779.563	413.239.707.077	15.461.697.629	1.586.708.215	430.894.892.484
Khấu hao trong năm	114.357.320	60.983.942.961	1.584.840.711	56.421.763	62.739.562.755
Tặng do chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	539.916.030	-	-	539.916.030
Tặng khác	-	1.011.973.812	-	-	1.011.973.812
Thanh lý nhượng bán trong năm	(44.156.684)	(88.649.690.305)	(1.328.210.345)	(416.198.778)	(90.438.256.112)
Giảm khác: Tặng theo hợp đồng liên kết	-	(11.459.522.260)	-	-	(11.459.522.260)
Giảm khác	-	(320.258.083)	-	(540.620.437)	(860.878.520)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>676.980.199</b>	<b>375.346.069.232</b>	<b>15.718.327.995</b>	<b>686.310.763</b>	<b>392.427.688.189</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	418.406.801	393.928.624.759	9.350.197.776	236.625.266	403.933.854.602
Tại ngày cuối năm	297.256.165	368.570.232.923	7.028.109.711	311.597.421	376.207.196.220

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 10.193.060.360 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2016: 15.188.313.736 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 196.152.454.916 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2016: 254.092.637.278 đồng).

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>Máy móc, thiết bị</b>
	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	<b>76.611.929.888</b>
Số dư cuối năm	<b>76.611.929.888</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	<b>8.864.119.350</b>
Khấu hao trong năm	6.904.229.856
Số dư cuối năm	<b>15.768.349.206</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư đầu năm	<b>67.747.810.538</b>
Số dư cuối năm	<b>60.843.580.682</b>

Theo Hợp đồng thuê tài sản số 168.14.05/CTTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 ký với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, hợp đồng thuê tài sản số C1407068H2 ngày 28 tháng 7 năm 2014 và Hợp đồng số C140707802 ngày 05 tháng 8 năm 2014 ký với Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Chailease, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>
	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	<b>141.680.480</b>
Số dư cuối năm	<b>141.680.480</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	<b>67.376.136</b>
Khấu hao trong năm	20.736.096
Số dư cuối năm	<b>88.112.232</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Số dư đầu năm	<b>74.304.344</b>
Số dư cuối năm	<b>53.568.248</b>



**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải thu/phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	103.046.410	103.046.410
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	508.538.760	508.538.760
<b>Cộng</b>	-	-	<b>611.585.170</b>	<b>611.585.170</b>
<b>a. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.906.260.226	13.036.882.044	16.692.635.701	250.506.569
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.101.787.036	1.101.787.036	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.244.502.190	2.770.223.109	33.701.953.590	312.771.709
Thuế thu nhập cá nhân	3.611.627.763	2.696.044.646	6.304.514.071	3.158.338
Thuế khác	-	26.104.415	26.104.415	-
<b>Cộng</b>	<b>38.762.390.179</b>	<b>19.631.041.250</b>	<b>57.826.994.813</b>	<b>566.436.616</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	-			611.585.170
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	38.762.390.179			566.436.616

**16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm (i)	2.176.781.935	2.568.442.725
(i) Chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị liên kết với các bệnh viện đang trong quá trình lắp đặt.		

**17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	72.853.000.000	72.853.000.000
	<b>72.853.000.000</b>	<b>72.853.000.000</b>

Thông tin chi tiết về đầu tư góp vốn vào công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100	100	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000
	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**19. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế (i)	110.750.000.000	110.750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	752.000.000
	<b>110.750.000.000</b>	<b>111.502.000.000</b>

(i) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**20. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	378.535.275	313.696.419
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>378.535.275</b>	<b>313.696.419</b>



**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

		<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	58.108.098.696	58.108.098.696	35.307.271.582	35.307.271.582
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	49.454.584.148	49.454.584.148	30.152.653.955	30.152.653.955
- Phải trả cho các đối tượng khác	4.615.258.371	4.615.258.371	2.019.465.215	2.019.465.210
<b>Cộng</b>	<b>112.177.941.215</b>	<b>112.177.941.215</b>	<b>67.479.390.752</b>	<b>67.479.390.747</b>
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	-	-	85.375.671.460	85.375.671.460
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>85.375.671.460</b>	<b>85.375.671.460</b>

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	13.923.541.161	6.124.546.536
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	3.707.682.467	1.713.859.175
- Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm	866.707.794	
- Trích trước tiền thuê văn phòng	532.964.651	-
- Trích trước chi phí lãi vay	242.947.299	407.049.519
- Trích trước chi phí phạt chậm nộp thuế	-	10.664.946.707
- Các khoản trích trước khác	591.095.960	380.659.275
<b>Cộng</b>	<b>19.864.939.332</b>	<b>19.291.061.212</b>

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh, hoa hồng bán máy móc thiết bị và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác. Ban Giám đốc Công ty đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ phải trả cho các đối tác và khẳng định rằng chi phí phải trả thực tế sẽ không chênh lệch trọng yếu với chi phí đã ước tính và ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.347.367.445	-
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	1.140.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.848.725.037	1.871.206.497
<b>Cộng</b>	<b>4.196.092.482</b>	<b>3.011.206.497</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	22.454.252.812	-
<b>Cộng</b>	<b>22.454.252.812</b>	<b>-</b>

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân để mua máy móc liên quan đến dự án liên kết.

**24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số đầu năm</u> VND		<u>Trong năm</u> VND		<u>Số cuối năm</u> VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	2.180.800.000	2.180.800.000	3.300.800.000	3.876.800.000	1.604.800.000	1.604.800.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định	604.800.000	604.800.000	604.800.000	604.800.000	604.800.000	604.800.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội	576.000.000	576.000.000	1.696.000.000	2.272.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968	12.012.481.968
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	4.882.048.596	4.882.048.596	4.882.048.596	4.882.048.596	4.882.048.596	4.882.048.596
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.130.433.372	7.130.433.372	7.130.433.372	7.130.433.372	7.130.433.372	7.130.433.372
<b>Tổng</b>	<b>14.193.281.968</b>	<b>14.193.281.968</b>	<b>17.813.281.968</b>	<b>18.389.281.968</b>	<b>13.617.281.968</b>	<b>13.617.281.968</b>



**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	VND	VND	Tăng	Giảm	VND
Vay dài hạn	8.191.200.000	8.191.200.000	-	3.876.800.000	4.314.400.000	4.314.400.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (i)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	1.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định (ii)	2.419.200.000	2.419.200.000	-	604.800.000	1.814.400.000	1.814.400.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội (iii)	2.272.000.000	2.272.000.000	-	2.272.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	43.419.457.875	43.419.457.875	-	12.012.481.968	31.406.975.907	31.406.975.907
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease (iv)	16.680.332.709	16.680.332.709	-	4.882.048.596	11.798.284.113	11.798.284.113
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iv)	26.739.125.166	26.739.125.166	-	7.130.433.372	19.608.691.794	19.608.691.794
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.610.657.875</b>	<b>51.610.657.875</b>	<b>-</b>	<b>15.889.281.968</b>	<b>35.721.375.907</b>	<b>35.721.375.907</b>
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	14.193.281.968					13.617.281.968
- Số phải trả sau 12 tháng	37.417.375.907					22.104.093.939

- (i) Ngày 22 tháng 7 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với số tiền 7.500.000.000 đồng. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 đến ngày 15 tháng 7 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2%/năm và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng hệ thống chụp cộng hưởng từ xuất xứ Hitachi, model: Airis Vento, hệ thống chụp cộng hưởng từ xuất xứ Hitachi, model: Airis II và quyền nhận tiền bảo hiểm theo các Hợp đồng bảo hiểm liên quan đến các thiết bị này để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Ngày 06 tháng 3 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Gia Định với số tiền 3.024.000.000 đồng. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 20 tháng 4 năm 2015 đến ngày 06 tháng 02 năm 2020. Khoản vay chịu lãi suất 9% năm đầu tiên, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ + biên độ 4%/năm và lãi vay được trả hàng tháng. Công ty sử dụng xe ô tô BMW 730Li biển số 51F-079.45 để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Ngày 24 tháng 3 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Hà Nội với số tiền 2.863.000.000 đồng. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 26 tháng 3 năm 2015 đến ngày 26 tháng 8 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất 9% năm đầu tiên, từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ + biên độ 4%/năm và lãi vay được trả hàng tháng. Công ty sử dụng xe ô tô BMW 730Li số khung: WBAYE21090 D841593, số máy: 10788967 N52B30AF để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã thanh toán trước hạn toàn bộ khoản vay này.
- (iv) Các khoản nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease được thanh toán trong vòng 60 tháng và chịu lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất cơ sở của các công ty cho thuê tài chính này cộng (+) biên độ 2,4% - 5%/năm. Nợ gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.604.800.000	2.180.800.000
Trong năm thứ hai	1.604.800.000	2.180.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.104.800.000	3.829.600.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.604.800.000	2.180.800.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>2.709.600.000</b>	<b>6.010.400.000</b>

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Các khoản tiền thuê tối thiểu</b>		<b>Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải trả do thuê tài chính</b>				
Trong vòng một năm	13.393.917.394	13.393.917.394	12.012.481.968	12.012.481.968
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	21.624.860.742	35.018.778.136	19.394.493.939	31.406.975.907
Trừ: các khoản phí tài chính trong tương lai	3.611.802.229	4.993.237.655		
<b>Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả</b>	<b>31.406.975.907</b>	<b>43.419.457.875</b>	<b>31.406.975.907</b>	<b>43.419.457.875</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			12.012.481.968	12.012.481.968
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>			<b>19.394.493.939</b>	<b>31.406.975.907</b>



**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.125.001.710.000</b>	<b>402.408.328.850</b>	<b>19.211.235.252</b>	<b>345.700.721.950</b>	<b>1.892.321.996.052</b>
Lỗ trong năm	-	-	-	(1.335.781.919.222)	(1.335.781.919.222)
Chi phí phát hành cổ phiếu trong năm trước	-	(120.000.000)	-	-	(120.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.125.001.710.000</b>	<b>402.288.328.850</b>	<b>19.211.235.252</b>	<b>(990.081.197.272)</b>	<b>556.420.076.830</b>
Lỗ trong năm	-	-	-	(31.694.179.201)	(31.694.179.201)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.125.001.710.000</b>	<b>402.288.328.850</b>	<b>19.211.235.252</b>	<b>(1.021.775.376.473)</b>	<b>524.725.897.629</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 15, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

**27. DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>500.954.220.695</b>	<b>534.174.142.051</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	340.200.156.410	412.217.440.213
- Doanh thu được chia từ các dự án liên kết	139.883.472.287	105.941.312.015
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.870.591.998	16.015.389.823
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	131.920.000	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.521.963.084</b>	<b>26.836.605.137</b>
- Chiết khấu thương mại	-	20.752.381
- Hàng bán bị trả lại	1.521.963.084	26.815.852.756
	<b>499.432.257.611</b>	<b>507.337.536.914</b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	299.297.546.586	304.192.571.177
Giá vốn liên quan đến dự án liên kết thiết bị y tế	118.910.762.151	119.665.837.636
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.168.891.067	9.397.456.031
(Hoàn nhập)/Trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.926.145.848)	70.695.369.172
	<b>405.451.053.956</b>	<b>503.951.234.016</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	337.063.594	376.757.741
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.985.370	308.423.396
Doanh thu hoạt động tài chính khác	100.139.076	8.580.000
	<b>461.188.040</b>	<b>693.761.137</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	4.598.717.428	16.472.616.751
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	750.000.000	110.750.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.652.045.591	6.182.640.178
Chi phí tài chính khác	52.626.990	317.292.678
	<b>7.053.390.009</b>	<b>133.722.549.607</b>



**31. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	10.405.019.281	24.890.010.728
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	333.087.343	1.720.444.764
Các khoản khác	3.972.158.748	374.135.443
	<b><u>14.710.265.372</u></b>	<b><u>26.984.590.935</u></b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.411.325.999	159.562.894
Các khoản bị phạt	3.423.782.277	10.757.837.434
Xóa sổ tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	26.884.394.231
Các khoản khác	185.044.070	171.630.661
	<b><u>11.020.152.346</u></b>	<b><u>37.973.425.220</u></b>

**33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>71.422.488.794</b>	<b>1.159.284.481.973</b>
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	47.260.295.301	1.125.312.659.984
- Chi phí tiền lương	11.378.782.856	18.551.021.906
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.783.410.637	15.420.800.083
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>49.303.450.965</b>	<b>36.105.248.454</b>
- Chi phí tiền lương	26.883.512.558	14.600.569.352
- Các khoản chi phí bán hàng khác	22.419.938.407	21.504.679.102

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	60.838.597.233	46.470.872.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.283.048.523	75.241.057.332
Chi phí dự phòng	20.685.283.843	1.196.008.029.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.632.278.222	39.567.358.666
Chi phí khác bằng tiền	23.235.146.509	41.842.662.213
	<b><u>215.674.354.330</u></b>	<b><u>1.399.129.980.292</u></b>

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	445.806.862	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.821.893.304	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.267.700.166</b>	<b>-</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
(Lỗ) trước thuế	(29.646.825.047)	(1.336.021.050.284)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	7.870.087.663	45.167.578.146
<i>Cộng: Các khoản dự phòng không tính chi phí hợp lý hợp lệ</i>	17.073.482.839	1.199.741.305.999
<i>Trừ: Biến động chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận</i>	(1.101.730.060)	(1.112.237.498)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.229.034.310	-
Lỗ chịu thuế năm hiện hành	(8.034.018.915)	(92.224.403.637)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	445.806.862	-

Từ năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm nay là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty TNHH Kyoto Medical Science.

**36. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**Lỗ cơ bản trên cổ phiếu:**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
(Lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(31.694.179.201)	(1.335.781.919.222)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	112.500.171	112.500.171
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(282)</b>	<b>(11.874)</b>





**37. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê đất tại Phường Phú Nhuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 44.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 1,75 năm tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2015.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 22 tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội với giá thuê 97.710.760 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2016.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 24 tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội với giá thuê 132.810.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 06 năm tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2016.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 7 tòa nhà Đồng Lợi, số 16 tổ 1 đường Láng, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội với giá thuê 67.355.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2016.
- Tổng số tiền thuê kho của Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS tại Số 200/8 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội với giá thuê 97.625.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê kho được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2017.

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa y tế Mediplast	Công ty liên quan đến nhân viên quản lý chủ chốt

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã xác định những công ty sau đây không còn là bên liên quan theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, theo đó danh sách các bên liên quan không bao gồm các công ty sau đây:

Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế  
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông  
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên  
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thuốc, Thiết bị y tế RC

***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>	<b>131.920.000</b>	-
Công ty Cổ phần Nhựa y tế Mediplast	131.920.000	-
<b>Góp vốn</b>	-	<b>250.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Tín	-	250.000.000

**39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

Tiền trả nợ gốc vay và thuê tài chính theo kế ước thông thường: 18.389.281.968 đồng.

**40. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Phạm Minh Nguyệt  
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh  
Kế toán trưởng



Ngô Thanh Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 7 năm 2017